

# VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA LÀNG TIÊN ĐIỀN,

## DÒNG HỌ NGUYỄN VÀ NGUYỄN DU

DỨC SƠN

**1** - Giai đoạn giang sơn tụ khí vào làng Tiên Điền thế kỷ thứ XVII - XVIII là thời dòng họ Nguyễn hưng thịnh, như là mạch nguồn phát sinh ra đại thi hào Nguyễn Du.

Theo *Gia phả họ Nguyễn* và sách *Nghệ An ký* của Hoàng Giáp, Bùi Dương Lịch (1757 - 1828) thì trước thế kỷ XVI, Tiên Điền là một bãi đất cát bồi của sông Cả (tên cũ của sông Lam) đầy ao chuông, mỏ mả và um tùm cây cối, lác, cư dân thưa thớt sống bên những con "hói" mùa triều cường nước mặn ngập bờ, đêm xanh lè ánh lân tinh. Giữa thế kỷ XVI, ông tổ họ Nguyễn là Quận Công Điền (ruộng hoang, rậm), cháu ông là Nam Dương quận công đã khởi đầu đắp đê ngăn mặn, khơi kênh dẫn nước ngọt trên Ngàn Hống về cải tạo U Điền. Đầu thế kỷ XVII, U Điền đổi tên thành Tân Điền, Phú Điền, rồi Tiên Điền. Theo sách *Đại Minh quảng dư chí*, thời thuộc Minh (1414 - 1417), Tiên Điền gồm 4 thôn: Bái Kệ, Lương Năng, Văn Trường và Võ Phấn. Thời ấy, Tiên Điền là chốn đô hội. Quan Bàu Phổ Quán, Bàu Tiên, Cầu Tiên "lâu dài tiếp nối, quán hàng cài răng lược, người ngựa tấp nập, vông lọng rợp trời" (*Nghi Xuân địa chí*). Không như người Tả Ao "thờ thần", người Tiên Điền "thờ

thánh" (thờ đạo Nho, thờ sự học). Đến chữ nghĩa khắc chạm trên bia mộ, đèn miếu, ở hoành phi, câu đối, văn bia của làng Tiên Điền cũng lộ rõ chất văn - Nho, thể hiện cốt cách của dòng họ Nguyễn. Câu đối trước đền thờ Tiên Linh hầu: "Đại danh thù quốc sự; Duy ái tại nhân tâm" (nghĩa là: Danh vọng lan truyền lưu sử nước; tình thương để lại tận lòng dân). Câu đối trước đền thờ Lê Ngự Sự thì ghi: "Ca hổ văn chương nhân khẩu chá; Đăng long sự nghiệp thế gia hương" (nghĩa là: Tiếng hổ khét văn chương, người đời ca ngợi; Sân rồng vang sự nghiệp, dòng họ thơm lây). Bia trước đền thờ Nguyễn Lam Khê hầu thì chỉ ba chữ "Tích thiện gia" (Nhà góp việc thiện). Lại như trước đền thờ Điền Nhạc hầu thì: "Huân danh hoàn cố quốc; Hiệu trạch tại tư dân" (ý nói: Nhà nước công danh vẹn; Nhân dân ân huệ nhiều).

Nhiều chủ trương cởi mở của làng Tiên Điền đã góp phần tạo nên bản sắc văn hóa riêng. Làng người đông, ít đất nhưng vẫn dành một khoản ruộng cho sự học, gọi là học điền chia cho những người đỗ đạt. Tiến sĩ, cử nhân, tú tài mỗi người được 1 mẫu 8 sào. Ngoài ra còn "ruộng đầu xã" dành cho người đỗ đạt cao nhất làng. Vị trí trang trọng giữa đình làng ở

Tiên Điền không phải dành cho bậc cao tuổi nhất mà dành cho người đỗ đạt có công dạy cho thế hệ trẻ. Lại có ruộng lễ hội, ruộng khai hạ, ruộng tế đình, tế điền, ruộng xuân thu kỳ hạn... Tiên Điền là làng có nhiều lễ hội nổi tiếng khắp vùng: Lễ lên lão, lễ khai hạ, lễ xuân tế, lễ cầu khoa, lễ cúng cơm mới, lễ gieo mạ. Tiên Điền cũng là làng có các loại hình văn học dân gian rất đa dạng và phong phú: Huyền thoại, cổ tích, truyền thuyết, truyện kể, ca dao tục ngữ, hát ví phường nón, hát dặm, tuồng chèo, hát ả đào, hò, vè. Những nét riêng ấy đã góp phần tạo nên "thế đứng" của làng: "Hong Lĩnh sơn cao, Song Ngư hải khoáng, nhược ngộ minh thời, nhân tài tú phát" (Núi Hồng Lĩnh non cao, hòn Song Ngư ngoài biển rộng, gặp buổi có vua hiền, nhân tài đua nhau phát) (sách *Nghi Xuân địa chí*).

Thế đất - "thế đứng" của làng đã sinh ra dòng họ Nguyễn, và dòng họ Nguyễn đã tạo nên thế đất - "thế đứng" cho làng. Tiếp cận đời sống chính trị, xã hội, văn hóa đến những vi diệu của tâm linh sẽ hiểu nguồn cơn điều ấy.

2 - Sách *Lịch triều hiến chương loại chí*, Phan Huy Chú viết về dòng họ Nguyễn Tiên Điền: "Khoa giáp nổi trội hơn hẳn, danh thần hiển phụ đứng hàng đầu trong phủ Đức Quang". Dĩ nhiên, đây là nhận xét về làng Tiên Điền và dòng họ Nguyễn ở giai đoạn lịch sử nhất định thời Lê - Nguyễn. Tiên Điền vào thời Lê - Nguyễn có 6 người đỗ đại khoa, 29 người đỗ cử nhân, 11 người tú tài, sinh đồ, 3 người được bạt cống, 3 người được cảnh tiến, nói như bây giờ là được đề bạt thẳng không qua thi cử. Nhiều người là võ tướng, quận công, phò mã, công hầu thuộc những dòng họ lớn: Nguyễn, Trần, Hoàng, Lê, Hà. 6 vị đại khoa họ Nguyễn là thân phụ, chú, bác, anh, em đại thi hào Nguyễn Du:

*Nguyễn Nghiễm* (thân phụ Nguyễn Du), tự Hy Tư, tôn húy Thiệu, hiệu Nghi Hiên, bút hiệu Hồng Ngư cư sĩ. Ông sinh giờ Canh Tuất, ngày Thìn 14 tháng Giêng nhuận năm Mậu Tý, niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 4. 16 tuổi đỗ thi hương, 24 tuổi đỗ Nhị đệ giáp, 54 tuổi giữ chức Nhập thị Tham tụng, rồi thăng Đại Tư đồ, Xuân Quận công. Ngày 17 tháng 11 năm Ất Mùi, ông mất tại làng. Mất rồi lại được gia phong Thần Thượng đẳng với mỹ tự "Kim luân khang tế, đức vọng, tài trí, anh đặc, cảnh lãng".

*Nguyễn Khản* (anh ruột Nguyễn Du), tự Hy Trục, biệt hiệu Lân Sơn cư sĩ, sinh giờ Tỵ, ngày Mậu Thìn, 13 tháng 3 năm Giáp Dần, niên hiệu Long Đức thứ 3. 20 tuổi đỗ thi hương, 27 tuổi đỗ thi đình. Giữ các chức Nhập thị Bồi tụng, Tả thị lang bộ Lại, Kiều Nhạc hầu. Về sau, đổi sang chức Võ Hồng Lĩnh hầu, Thượng thư bộ Lại, kiêm Trấn thủ Sơn Tây. Chúa Trịnh từng viết tặng ông 4 chữ "Nhị thập phụ tự". Ông nổi tiếng thơ quốc âm và mê say âm nhạc. Người xứ Nghệ gọi ông là "Phong lưu đại thần".

*Nguyễn Huệ* (bác Nguyễn Du), tự Hy Hòa, hiệu Giới Hiên. Sinh năm Ất Dậu, Vĩnh Thịnh, 25 tuổi đỗ thi hương, 29 tuổi trúng đệ Tam giáp, làm Tri huyện Nga Sơn. Năm Vĩnh Hựu thứ 4, truy tặng Trung Trinh đại phu, Hàn lâm viện Thừa chỉ, Tiên Lĩnh hầu. Năm Cảnh Hưng thứ 11, Trịnh Ân vương bao phong ông Thượng đẳng phúc thần.

*Nguyễn Tấn* (anh con bác Nguyễn Du), tự Soán Phủ, hiệu Cẩm Đình, 21 tuổi đỗ thi hương, 29 tuổi trúng đệ Tam giáp, đệ Thất danh, được bổ làm Tri phủ Khánh Hòa, rồi làm Phân khảo trường Nam Định, rồi làm Đông Tri phủ Vĩnh Tường.

*Nguyễn Mai* (em con bác Nguyễn Du), tên hiệu Hữu Tuyết Tử, sinh năm Mậu Dần, đời Tự Đức, 23 tuổi đỗ thứ 3 thi hương, 27 tuổi trúng đệ Tam giáp.

Những gương mặt danh thần, hiển phụ trong dòng họ Nguyễn kể trên là trụ cột của "Văn phái Hồng Sơn" hình thành ở xứ Nghệ thời bấy giờ.

Thư tịch cổ còn lại quá ít, những trước tác của những tác giả Tiên Điền thống kê dưới đây chắc hẳn còn thiếu sót nhiều: Đó là, *Nam Dương tập yếu kinh nguyên* của Nguyễn Nhiễm; *Đại hiếu chân kinh, Từ âu chân thuyền, Dịch kinh quyết nghị* của Nguyễn Quỳnh; *Xuân trung niên vịnh, Xuân đình tạp vịnh, Việt sử bị lãm, Lạng Sơn đoàn thành đồ chí, Cổ lễ nhạc chương thi văn tập, Khổng Tử mộng Chu Công* của Nguyễn Nghiễm; *Quế Hiên thi tập, Hoa trình tiên hậu tập* của Nguyễn Nễ; *Châu tân di cáo* của Nguyễn Nghi; *Đông Phủ thi tập, Huyền cơ đạo thuật bí thư, Nhuận bút hoa tiên* của Nguyễn Thiện; *Quan Đông thi hải tập, Minh Quyên thi tập, Thiên hạ nhân vật thư* của Nguyễn Hành...

Những tác phẩm kể trên bộc lộ sức mạnh tinh thần của dòng họ Nguyễn, cùng với những gương mặt danh thần, hiền phụ ấy là các gương mặt dòng họ Nguyễn Huy Trường Lưu với Nguyễn Huy Tự, Nguyễn Huy Oánh, Nguyễn Huy Hổ; dòng họ Phan Huy Thạch Hà với Phan Huy Ích, Phan Huy Vịnh - tạo nên một tổng lực thâm hậu trực tiếp và gián tiếp tác động tới tài năng, tính cách, tư tưởng của Nguyễn Du, ảnh hưởng tới các tác phẩm văn chương *Thanh Hiên tiền hậu tập, Nam Trung tạp ngâm, Bắc hành tạp lục, Truyện Kiều, Văn chiêu hồn, Văn tế Trường Lưu nhị nữ, Thác lời trai phường Nón* của ông.

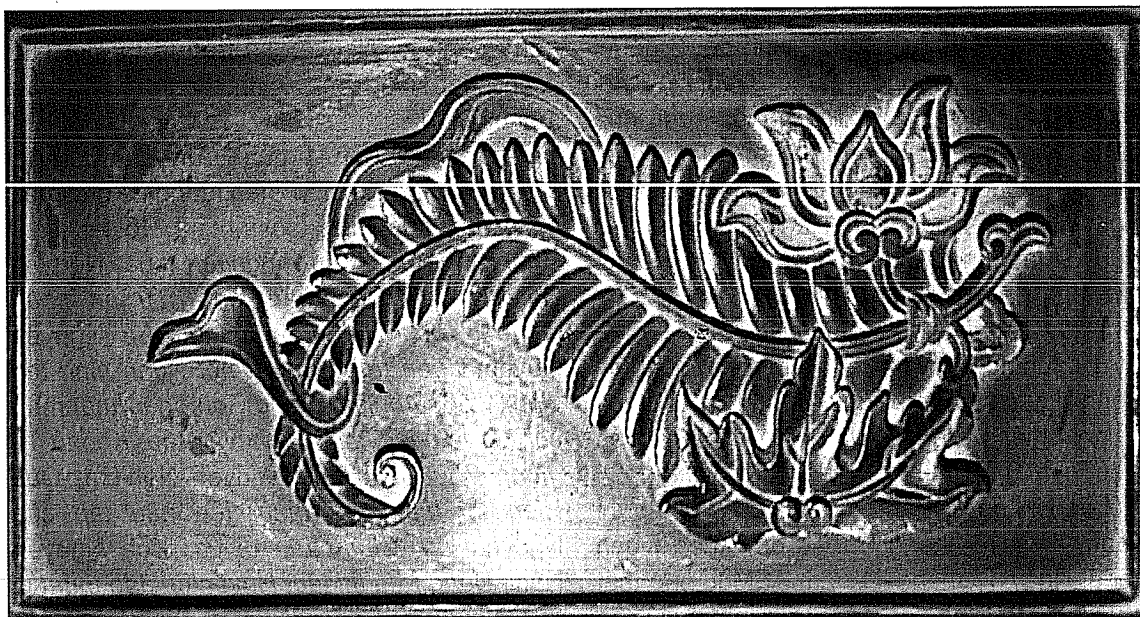
Như vậy, đã có thể hình dung một nguồn mạch ở Tiên Điền ăm ắp, chảy liên tục suốt thời Lê - Nguyễn. Nguồn mạch ấy có lúc không thoát khỏi những ràng buộc của hệ tư tưởng Nho giáo cực quyền, có lúc tự do, thoải mái, nảy nở mọi tiềm năng. Nhưng nhìn chung, thấy một thời thịnh của làng - họ - cá nhân - một tổng lực thâm hậu tồn tại hàng trăm năm, để rồi kết thúc vào cuối thế kỷ XVIII. Vì sao như vậy? Các thành tố trong mối quan hệ nhân quả nói trên giữ vai trò như thế nào trong số phận của nguồn mạch văn hóa Tiên Điền?

3 - Từ thời ông tổ họ Nguyễn lập nghiệp ở

*Đức Sơn: Về mối quan hệ giữa làng Tiên Điền, dòng họ...*

Tiên Điền, thế kỷ XVI, đến nay, lịch sử nước nhà trải qua biết bao đổi thay, biết bao thăng trầm. Những gì của làng Tiên Điền, của dòng họ Nguyễn, của Nguyễn Du giữ được như hiện nay là quý lắm. Đảng và Nhà nước, nhiều tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp, nhiều cá nhân trong nước và nước ngoài đã đầy tình cảm và trách nhiệm khai thác, sưu tầm, gìn giữ các chứng tích, các tư liệu về làng Tiên Điền, dòng họ Nguyễn và Nguyễn Du. Ở Hà Tĩnh, công việc này bắt đầu từ năm 1960, nhưng thực sự có hiệu quả mới chỉ từ năm 1990. Hiện tại, khu lưu niệm đại thi hào Nguyễn Du ở làng Tiên Điền có trên 100 hiện vật tư liệu liên quan đến làng Tiên Điền, dòng họ Nguyễn, Nguyễn Du và 500 bản *Truyện Kiều* xuất bản qua các thời đại, 100 tác phẩm liên quan đến dòng họ Nguyễn. Chúng tôi tin chắc rằng, rất nhiều thứ của Tiên Điền đô hội xưa, của dòng họ Nguyễn nổi tiếng xưa còn đây đó. Thêm một tư liệu, một hiện vật, một chứng tích là thêm một đắp bồi cho di sản văn hóa Nguyễn Du, thêm một cơ sở cho quan hệ nhân - quả giữa làng - dòng họ - cá nhân ở Tiên Điền./

D.Đ



Lá cách điệu, cuối thế kỷ XVIII, chùa Tây Phương - Ảnh: T.L